

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-PT

Ngày: 11/01/2018

V/v “T/c hợp đồng gửi giữ tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu.

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Xuân Đào

Bà Phan Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh ĐN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại Hội trường C - Tòa án nhân dân tỉnh ĐN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 177/2017/DS –ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố BH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 236/2017/QĐ-PT ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông **Hồ Hoàng D**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 125, ấp BL, xã ĐT, huyện TT, tỉnh LA.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 141A/4, quốc lộ 1, khu phố 10, phường Tân Biên, thành phố BH, tỉnh ĐN. (theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2016).

-Bị đơn: Ông **Bùi Mạnh Q**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 398, khu phố 1, phường TH, TP. BH, tỉnh ĐN.

(Ông H, ông Q có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 23 tháng 02 năm 2016 ông D có vào quán cà phê QH địa chỉ tại: 39B/2, khu phố 1, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN để

uống cà phê. Khi đến đây ông D có sử dụng chiếc xe nhãn hiệu Honda, loại AIRBLADE, màu đỏ, đen, trắng, biển đăng ký 62H1-080.63 đứng tên ông Hồ Hoàng D, ngày đăng ký là 21/01/2014. Khi đến quán cà phê ông D giao xe cho nhân viên bảo vệ của quán trông giữ, do quán này gửi xe không có vé xe giao cho khách nên ông D chủ động khóa cổ xe lại, nhưng bảo vệ của quán đề nghị ông D là không được khóa cổ xe, để bảo vệ có thể dắt xe cho gọn. Sau khi ngồi quán cà phê xong hồi 14 giờ 20 phút cùng ngày ông D ra về thì phát hiện xe bị mất, lúc đó người bảo vệ không có ở đó. Ông D có trình báo với ông Q về việc mất xe, sau đó, ông Q có trình báo cho Công an phường TH lập biên bản sự việc. Nay ông D yêu cầu ông Bùi Mạnh Q bồi thường số tiền 30.000.000đ theo như chứng thư thẩm định giá.

Ông đồng ý với kết quả thẩm định giá chiếc xe theo chứng thư thẩm định giá, ngoài ra ông không cung cấp chứng cứ nào khác.

- Bị đơn ông Bùi Mạnh Q trình bày:

Ông là chủ của quán cà phê QH, quán cà phê của ông có thuê dịch vụ bảo vệ của công ty TNHH DV bảo vệ Long Hải VN. Theo ông Q, quán cà phê ông có thuê dịch vụ bảo vệ, nên khi khách vào, nhân viên bảo vệ có ghi phiếu gửi xe và giao phiếu cho khách hàng vào đây uống cà phê. Khi ông D báo mất xe, ông D không xuất trình được giấy đăng ký xe và thẻ xe do nhân viên bảo vệ của quán ghi. Nay ông D yêu cầu ông bồi thường giá trị chiếc xe là 30.000.000 đồng, thì ông không đồng ý. Do công ty dịch vụ bảo vệ thay đổi nhân viên bảo vệ liên tục, nên ông không biết họ tên của nhân viên bảo vệ trực vào ngày 23/02/2016. Tuy nhiên từ 14 giờ đến 17 giờ hàng ngày là ông không thuê bảo vệ mà tự ông trông coi. Nếu trong thời gian này có chuyện gì xảy ra thì ông hoàn toàn chịu trách nhiệm chứ không liên quan đến bảo vệ. Hiện tại Công ty bảo vệ mà ông ký hợp đồng không còn hoạt động nên ông không thể liên hệ với người có trách nhiệm để yêu cầu cung cấp chứng cứ mà Tòa án yêu cầu là hồ sơ pháp lý của công ty, lịch trực của nhân viên và những cùi vé xe mà công ty sử dụng cho quán cà phê QH. Ông cũng không đặt ra trách nhiệm với Công ty bảo vệ.

Nếu thỏa thuận ông đồng ý hỗ trợ cho ông D số tiền 5.000.000đ. nhưng ông D không đồng ý thì ông đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông đồng ý với kết quả thẩm định giá chiếc xe theo chứng thư thẩm định giá, ngoài ra ông không cung cấp chứng cứ nào khác.

Đối với biên bản lấy lời khai ngày 23/2/2016 của Công an phường TH, thành phố BH, thì ông xác nhận là Công an làm đúng quy định, có đọc lại biên bản cho ông nghe, ông đồng ý ký tên. Nhưng hôm nay ông xác định nội dung công an ghi trong phần đáp của ông không đúng ý kiến của ông.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 177/2017/DS –ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố BH đã căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 165, Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 559, khoản 1 Điều 560, Điều 562, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự; Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Hoàng D.

Buộc Ông Bùi Mạnh Q phải bồi thường cho ông Hồ Hoàng D số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Ông Q có nghĩa vụ phải thanh toán lại cho ông D 2.000.000đ chi phí thẩm định giá.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Mạnh Q phải chịu 1.000.000đ.

Ông Hồ Hoàng D phải chịu 500.000đ. Hoàn trả lại cho ông Hồ Hoàng D số tiền 525.000đ đã nộp tại biên lai thu số 007919 ngày 29/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hoà.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/10/2017 ông Bùi Mạnh Q kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm 177/2017/DS –ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố BH, đề nghị tòa phúc thẩm bác khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Theo chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự, có căn cứ xác định vào ngày 23/02/2016 ông D gửi xe AIRBLADE biển số 62H1 080.63 (do ông D đứng tên sở hữu) tại quán cà phê QH do ông Q làm chủ để uống cà phê, thời gian mất xe vào 14 giờ 20 phút, khung giờ ông Q có trách nhiệm giữ xe của khách. Sau khi ông D báo mất xe, ông Q có báo cho Công an phường và tuần tra giao thông để hỗ trợ tìm xe, nhưng không thấy. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông Q có trách nhiệm bồi thường 2/3 giá trị tài sản theo giá của chứng thu thẩm định là có căn cứ, đề nghị bác kháng cáo của ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Bùi Mạnh Q làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ông Q kháng cáo cho rằng không có căn cứ xác định ông D gửi xe ở quán cà phê QH do ông làm chủ để uống cà phê vì sau khi báo mất xe, ông D không cung cấp được giấy tờ xe, nên ông không có trách nhiệm bồi

thường giá trị xe cho ông D. Tuy nhiên, hồ sơ thể hiện biên bản làm việc của Công an phường TH lúc 16 giờ ngày 23/02/2016 ông Q khai: *Vào lúc 14 giờ cùng ngày, nhân viên bảo vệ tên Yêm hết ca ra về có thông báo cho tôi, tôi tiếp nhận, lúc này xe máy 62H1-08063 dựng ở cửa quán, cách khoảng 2 mét... sau khi tiếp nhận, tôi ngồi tại bàn cà phê giữa đầu tiên của quán để trông giữ xe. Phía dãy xe bị mất dựng tổng 2 xe, trong đó có xe Way thường. Đến khoảng 14h 30 phút tôi nhìn thì vẫn thấy xe, khoảng mấy giây sau, khi anh Diếp ở trong quán đi về ra ngoài nói xe bị mất. Sau khi phát hiện xe bị mất tôi đã chạy tìm và liên hệ tuần tra giao thông hỗ trợ*” (bút lục 50). Như vậy, có cơ sở xác định ông D có gửi xe honda AIRBLADE biển số 62H1-08063 (xe do anh Diếp đứng tên sở hữu) tại quán cà phê QH do ông Q làm chủ và thời gian mất xe vào khoảng 14h30 phút – khung giờ ông Q không thuê bảo vệ, vì theo lời khai và chứng cứ do ông Q cung cấp thì thời gian bảo vệ trông giữ tài sản của khách từ 7h đến 14h và từ 17h đến 23 giờ trong ngày. Do đó, ông Q phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản bị mất theo quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm xử buộc ông Q có trách nhiệm trả cho ông D 2/3 giá trị tài sản xe bị mất thành tiền là 20.000.000đ là đã có lợi cho ông Q. Ông Q kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bác kháng cáo của ông Q, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 177/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân TP. BH.

Áp dụng Điều 559, khoản 1 Điều 560, Điều 562 Bộ luật dân sự 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2016; Pháp lệnh số 10/2009 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội 12 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Hoàng D.

Buộc Ông Bùi Mạnh Q phải bồi thường cho ông Hồ Hoàng D số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Ông Q phải thanh toán cho ông D 2.000.000đ chi phí thẩm định giá.

Về án phí:

Ông Bùi Mạnh Q phải chịu 1.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Q đã nộp

300.000đ theo biên lai thu số 003050 ngày 20/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH được trừ vào án phí phúc thẩm ông Q phải chịu.

Ông Hồ Hoàng D phải chịu 500.000đ án phí dân sự phần bị bác. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông D đã nộp 1.025.000đ theo biên lai thu số 007919 ngày 29/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH được trừ vào án phí ông D phải chịu, hoàn trả ông D số tiền còn dư 525.000đ.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa

Vũ Thị Thu